

Bản án số: **160/2017/DS-PT**

Ngày: 13 - 11 - 2017

V/v “*Tranh chấp yêu cầu
hủy di chúc trái pháp luật*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Hoàng Anh**.

Các Thẩm phán: 1. Ông **Phạm Hùng Nuôi**.
2. Ông **Nguyễn Văn Dũ**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Việt**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông **Nguyễn Văn Sạch** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23/10/2017 và 13/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2017/TLPT-DS ngày 20 tháng 9 năm 2017, về việc: “*Tranh chấp yêu cầu hủy di chúc trái pháp luật*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2017/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 196/2017/QĐPT-DS ngày 29 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **L**; địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông **P**; địa chỉ: ấp C1, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2.2. Bà **T**; địa chỉ: ấp C1, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Văn phòng công chứng X**; địa chỉ: ấp C2, xã B1, huyện A1, tỉnh Sóc Trăng.

* *Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng X*: Bà **X**, Chức vụ: Trưởng Văn phòng công chứng X. (vắng mặt, có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt)

4. Người làm chứng:

4.1. Ông **Đ**; địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

4.2. Ông **M**; địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

5. Người kháng cáo: Bà **L** là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

* **Nguyên đơn bà L trình bày**: Bà **K** (sinh năm 1924) là mẹ ruột của bà. Năm 2011 bà **K** già yếu, ông **P** bạo lực buộc bà **K** lần tay lập di chúc tài sản nhà và đất cho

ông P, di chúc lập tại Văn phòng công chứng X vào ngày 14/4/2011, phần đất của bà K cho ông P có diện tích 474m², thuộc thửa 519, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên trên thực tế phần đất trên chỉ có diện tích 154m² chứ không phải diện tích 474m².

Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết hủy bỏ di chúc lập ngày 14/4/2011 của bà K cho ông P diện tích 474m², thuộc thửa số 519, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Lý do di chúc của bà K ký tên nhưng di chúc không hợp lệ, do ông P ép buộc bà K làm di chúc lại cho ông P. Từ ngày 14/4/2011 đến khi bà K mất là ngày 29/7/2016, bà có làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy di chúc của bà K.

*** Bị đơn ông P trình bày:** Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L ông không đồng ý. Ông và bà L là anh em ruột cùng mẹ khác cha. Di chúc do mẹ ông là bà K lập ngày 14/4/2011 là do mẹ ông tự nguyện và di chúc được lập tại Văn phòng công chứng X có sự chứng kiến của ông M và ông Đ (02 người làm chứng này vẫn còn sống). Trước khi tiến hành lập di chúc, mẹ ông đã được khám sức khỏe tại Bệnh viện đa khoa huyện A2 và kết luận tình trạng sức khỏe của mẹ ông là tốt. Diện tích đất và nhà bà K để lại cho ông là một phần tài sản của bà K diện tích 70m², chiều ngang 3,5 mét, chiều dài 20 mét thuộc thửa số 519, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2017/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2017, đã quyết định căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 647, 648, 649, khoản 2 và khoản 3 Điều 650, Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L về việc yêu cầu hủy di chúc của bà K lập ngày 14/4/2011 tại Văn phòng công chứng X trái pháp luật.

- Công nhận tờ di chúc của bà K lập ngày 14/4/2011 tại Văn phòng công chứng X là hợp pháp.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 22/8/2017, nguyên đơn bà L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và hủy di chúc ngày 14/4/2011.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà L không rút lại đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

* Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung kháng cáo tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà L và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, trong đó Văn phòng công chứng X có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt; đồng thời, các đương sự này không có kháng cáo và việc vắng mặt của các đương sự này không ảnh hưởng đến việc xem xét kháng cáo của nguyên đơn bà L. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Theo sự thừa nhận của các bên đương sự cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có căn cứ xác định: Vào ngày 14/4/2011, bà K có đến Văn phòng công chứng X lập di chúc để lại cho ông P phần đất có diện tích 70m² (3,5m x 20m) nằm trong thửa đất số 519, tờ bản đồ số 02, diện tích 474m², tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 412013 do UBND huyện A3 (nay là huyện A) cấp cho bà K vào ngày 07/01/1993. Di chúc của bà K do Văn phòng công chứng X soạn thảo theo ý kiến của bà K, do bà K không biết chữ nên không có ký tên mà chỉ lấn tay vào di chúc trước sự chứng kiến xác nhận của hai người làm chứng là ông Đ và ông M, sau đó Văn phòng công chứng X đã thực hiện việc công chứng di chúc theo quy định pháp luật.

[3] Bà L cho rằng tại thời điểm lập di chúc vào ngày 14/4/2011 thì bà K “*già yếu, sức khỏe hạng 3, bị liệt, bị lẩn, mất hành vi dân sự*” và ông P đã dùng bạo lực để ép buộc bà K lấn tay vào di chúc nên tờ Di chúc ngày 14/4/2011 không hợp lệ. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày này là đúng sự thật nên không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Trong khi đó, ông P cho rằng tại thời điểm lập di chúc vào ngày 14/4/2011 thì bà K hoàn toàn tự nguyện trong việc lập di chúc, trước đó bà K cũng đã được khám sức khỏe và bệnh viện kết luận sức khỏe bà K là tốt, đủ điều kiện để lập di chúc. Lời trình bày này của ông P là phù hợp với nội dung kết luận tại Giấy chứng nhận sức khỏe do Bệnh viện đa khoa huyện A2 cấp cho bà K vào ngày 08/3/2011 và phù hợp với xác nhận của Văn phòng công chứng X cũng như lời khai của hai người làm chứng là ông Đ và ông M về việc tại thời điểm lập di chúc ngày 14/4/2011 tình trạng sức khỏe và tinh thần của bà K là minh mẫn, sáng suốt và bà K hoàn toàn tự nguyện lấn tay vào di chúc. Do đó, lời trình bày của ông P là có căn cứ để chấp nhận.

[5] Mặt khác, trước thời điểm bà K lập di chúc ngày 14/4/2011 thì giữa bà K và bà L có tranh chấp với nhau, vấn đề tranh chấp giữa hai bên được thể hiện trong nội dung Biên bản hòa giải ngày 08/4/2011 tại UBND xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng (BL số 54). Theo nội dung Biên bản hòa giải này thì bà K muốn cho ông P phần đất 70m² theo di chúc ngày 14/4/2011 nêu trên nhưng bà L không đồng ý, bởi lẽ bà L cho rằng trên đất có căn nhà do bà L sửa chữa, bà L yêu cầu bà K phải trả chi phí mà bà L đã bỏ tiền ra sửa chữa nhà thì mới đồng ý việc bà K cho đất ông P. Còn bà K thì cũng thừa nhận căn nhà trên đất do bà L sửa chữa nhưng việc này do bà L tự ý làm, bà K không có cho phép. Như vậy, căn cứ vào lời trình bày của bà K trong Biên bản hòa giải này (Biên bản hòa giải lập ngày 08/4/2011 còn di chúc lập ngày 14/4/2011, tức là chỉ cách nhau 7-8

ngày) đã có căn cứ khẳng định ý chí tự nguyện của bà K trong việc để lại phần đất 70m² cho ông P theo đúng nội dung di chúc ngày 14/4/2011.

[6] Đối với căn nhà nằm trên phần đất 70m² bà K di chúc để lại cho ông P mà bà L cho rằng bà L đã bỏ tiền ra sửa chữa: Theo Biên bản xác minh ngày 06/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thì trên thực tế trên phần đất 70m² hiện nay có căn nhà đúng theo lời trình bày của bà L. Căn nhà này là một phần căn nhà nằm thông với một phần căn nhà còn lại đều do gia đình bà L đang quản lý, sử dụng. Theo sự thừa nhận của bà K tại Biên bản hòa giải ngày 08/4/2011 thì căn nhà này do bà L bỏ tiền ra sửa chữa trước thời điểm lập di chúc ngày 14/4/2011 nên đã có cơ sở xác định đây là tài sản của bà L. Tuy nội dung di chúc bà K để lại cho ông P phần đất 70m² chứ không có đề cập đến căn nhà của bà L trên đất, nhưng vấn đề này không làm ảnh hưởng đến giá trị của di chúc. Trong vụ án này, các đương sự chỉ tranh chấp với nhau về giá trị pháp lý của di chúc chứ không yêu cầu giải quyết về căn nhà của bà L trên đất, do đó trong trường hợp về sau các bên có tranh chấp với nhau về căn nhà này thì có thể yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác.

[7] Về vấn đề bà L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, nhận thấy: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục tố tụng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc bà L yêu cầu hủy bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên kháng cáo yêu cầu hủy bản án của bà L không được chấp nhận.

[8] Từ tất cả những phân tích nêu trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L về việc yêu cầu hủy di chúc của bà K được lập tại Văn phòng công chứng X vào ngày 14/4/2011 là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, trong vụ án phía bị đơn P không có phần tố yêu cầu công nhận tờ di chúc của bà K lập ngày 14/4/2011 tại Văn phòng công chứng X là hợp pháp nhưng Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết công nhận là giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, làm xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của những người thừa kế theo pháp luật khác của bà K (ngoài bà L và ông P). Do đó, Hội đồng xét xử quyết định sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng hủy bỏ nội dung tuyên án này.

Do bản án sơ thẩm bị sửa nên nguyên đơn bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo quy định của pháp luật.

Ý kiến Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà L và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận một phần như phân tích nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà L.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2017/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng đã xét xử về việc “*Tranh chấp yêu cầu hủy di chúc trái pháp luật*”, giữa nguyên đơn bà L với các bị đơn ông P và bà T, cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng X, như sau:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L về việc yêu cầu hủy di chúc của bà K lập ngày 14/4/2011 tại Văn phòng công chứng X trái pháp luật.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0003825 ngày 20/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0006955 ngày 22/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

Đã ký

Võ Hoàng Anh